

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LANG CHÁNH
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/202/HNGĐ-ST

Ngày 08 tháng 9 năm 2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LANG CHÁNH, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Tám

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thế Anh
2. Ông Lê Minh Châu

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2022/TLST-HNGĐ ngày 28/4/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn XC, xã ĐL, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn L, sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn XC, xã ĐL, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 20/4/2022, được bổ sung trong bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lê Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn L tự do tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo tập quán địa phương vào ngày 24/11/2000. Đến ngày 17/5/2004, chị và anh L mới thực hiện đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐL, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa và được UBND xã ĐL cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 239/2004. Ngay từ khi mới chung sống thì giữa chị

và anh L đã có nhiều trục trặc, nhưng vợ chồng tự dàn xếp được. Kể từ năm 2003 trở đi, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh thường xuyên, anh L hay đánh đập chị và xúc phạm bố mẹ chị. Nguyên nhân là do anh L hay uống rượu say, cờ bạc hoặc chỉ vì những lý do nhỏ nhặt trong gia đình. Mâu thuẫn trầm trọng nhất kể từ năm 2015, nhiều lần bị anh L đánh, chị phải bỏ về nhà bố mẹ đẻ để ở. Gia đình hai bên đã khuyên can nhiều lần nhưng anh L không thay đổi. Đến tháng 3/2022, do không chịu đựng được sự ngược đãi của anh L nên chị đã về ở với bố mẹ đẻ của chị, vợ chồng cũng ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị nhận thấy, giữa chị và anh L không còn tình cảm và sự tôn trọng lẫn nhau; vợ chồng không thể tiếp tục chung sống, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Về con: Chị và anh L có 02 con chung là cháu Phạm Thị Minh H, sinh ngày 05/10/2003 và cháu Phạm Văn Th, sinh ngày 28/5/2015. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cháu Th cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu H, đã trên 18 tuổi, có việc làm và thu nhập để tự nuôi sống bản thân, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị Lê Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai ngày 28/4/2022, được bổ sung trong biên bản hoàn giải và tại phiên tòa, bị đơn là anh Phạm Văn L trình bày:

Về hôn nhân: Việc anh và chị L kết hôn, thời gian và nơi đăng ký kết hôn, thời điểm phát sinh mâu thuẫn như chị L trình bày là đúng. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do kinh tế khó khăn, vợ chồng bất đồng trong sinh hoạt và nuôi dạy con cái nên thường xuyên cãi vã, chửi bới xúc phạm lẫn nhau, cũng có lần do quá bức xúc nên anh đã tát chị L chứ không đánh đập, hành hạ như chị L trình bày. Anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L.

Về con: Anh và chị L có 02 con chung, họ tên, ngày tháng năm sinh của các con như chị L trình bày là đúng. Khi ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Văn Th, không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Phạm Thị Minh H, đã trên 18 tuổi, có việc làm và thu nhập tự nuôi sống bản thân, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Anh Phạm Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện VKS phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*”; nơi cư trú của bị đơn tại huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về hôn nhân: Căn cứ lời trình bày của chị Lê Thị L, anh Phạm Văn L và bản sao Trích lục kết hôn số 417/2021/TLKH-BS ngày 02/6/2021 do UBND xã DL, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa cấp, đủ cơ sở xác định: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị L và anh Phạm Văn L là hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị L, ý kiến của anh L, Hội đồng xét xử thấy: Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, chị L đều có nguyện vọng được ly hôn anh L. Anh L đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L.

Xét mâu thuẫn vợ chồng, thấy: Giữa chị L và anh L thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt và nuôi dạy con cái. Vợ chồng thường xuyên cãi vã, chửi bới, xúc phạm lẫn nhau, trầm trọng hơn còn bạo lực vợ chồng. Hai bên gia đình của chị L, anh L và Tòa án đã tổ chức hoà giải nhiều lần, tạo điều kiện để chị L và anh L hành gần tình cảm, quan hệ vợ chồng nhưng không có kết quả; chị L và anh L đã có thời gian ly thân nhưng mâu thuẫn không được giải quyết, đến nay cả chị L và anh L đều có nguyện vọng được ly hôn. Như vậy, tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh L không còn, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, quyết định cho chị L và anh L ly hôn.

[4] Về con: Căn cứ lời trình bày của chị Lê Thị L, anh Phạm Văn L và bản sao Giấy khai sinh của cháu H, cháu Th, đủ cơ sở xác định: Các cháu Phạm Thị Minh H, sinh ngày 05/10/2003 và Phạm Văn Th, sinh ngày 28/5/2015 là con chung của chị L và anh L.

Xét nguyện vọng của chị Lê Thị L và anh Phạm Văn L, thấy: Cả chị L và anh L đều có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Th, nguyện vọng của chị L và anh L là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở để xem xét. Xét về điều kiện nuôi con của chị L, anh L thấy: Căn cứ sự thừa nhận của chị L, anh L phù hợp với kết quả xác minh tại nơi cư trú của vợ chồng thì chị L có điều kiện kinh tế, thời gian để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Th tốt hơn anh L và thực sự chị L luôn quan tâm chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và yêu thương cháu Th. Mặt khác, cháu Th có nguyện vọng được ở với chị L. Để cháu Th có điều kiện phát triển một cách tốt nhất về mọi mặt nên giao cháu Th cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Đối với cháu Phạm Thị Minh H, đã trên 18 tuổi, có việc làm và thu nhập để nuôi sống bản thân, chị L và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng

xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản: Chị Lê Thị L và anh Phạm Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Lê Thị L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị L được ly hôn anh Phạm Văn L.

Về con: Giao cháu Phạm Văn Th, sinh ngày 28/5/2015 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng; anh L không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Lê Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2021/0015663 ngày 27/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lang Chánh. Chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn Lê Thị L, bị đơn Lê Văn L. Chị L và anh L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lang Chánh;
- UBND xã ĐL, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Viết Tâm